TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG** **Bản án số: 84/2019/HS-ST** **Ngày 03 tháng 9 năm 2019**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Chiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Hoàng Phú Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 79/2019/TLST-HS, ngày 09 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Hữu T, sinh năm 1993 tại thành phố L, An Giang. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Hoàng T và bà Nguyễn Thị Thanh T; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 16 tháng 6 năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Trong thời gian chờ quyết định thi hành án phạt tù thì ngày 24 tháng 7 năm 2016 T tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 11 tháng 01 năm 2017 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 02 năm tù, đến ngày 22 tháng 5 năm 2018 chấp hành xong bản án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, học hết lớp 9 nghỉ học. Ngày 07/02/2013, bị Ủy ban nhân dân phường M áp dụng biện pháp giáo dục tại phường với thời hạn 06 tháng, đến ngày 08/8/2013 chấp hành xong quyết định. Ngày 25/7/2016 bị Công an xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02 tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Võ Bá H, sinh năm 1965.

+ Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lương Thị H, sinh năm 1968.

+ Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2. Ông Trần Thế V, sinh năm 1983.

+ Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Võ Nguyễn Nhựt H, sinh năm 1997.

+ Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2. Ông Trương Công T, sinh năm 1999.

+ Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19 tháng 01 năm 2019, Lê Hữu T đến khu vực phường M, thành phố L tìm tài sản lấy trộm. Khi đi qua nhà ông Võ Bá H tại khóm T, phường M, T thấy xe môtô nhãn hiệu Honda Wave Alpha biển số 67C1-26.22 dựng trước sân nhưng không rút chìa khóa, trong cốp xe có 01 cái bóp da màu nâu, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô 67C1-426.22 và 20.000 đồng. Lợi dụng sơ hở này T vào lấy trộm xe điều khiển đến nhà khóm T, phường M cầm cho bà Lương Thị H với số tiền 2.000.000đ, nhưng không cho bà H biết xe do T lấy trộm mà có. Sau đó, bà Hạnh giao xe môtô này cho Trần Thế V nhờ giao lịch treo tường tại phường M, thành phố L. Khi V điều khiển xe đến khu vực công viên M dừng lại thì bị anh Võ Nguyễn Nhựt H (là con của ông Võ Bá H) và anh Trương Công T (là bạn của H) nhìn thấy nên đến cho V biết xe này của ông Võ Bá H bị mất trộm, đồng thời yêu cầu V đưa xe đến Công an phường M giải quyết.

Khoảng 11 giờ 35 phút ngày 19 tháng 01 năm 2019, bà H nhờ V đem giấy chứng nhận đăng ký xe môtô 67C1-426.22 giao nộp cho Công an phường M.

Vật chứng thu giữ gồm xe môtô nhãn hiệu Honda Wave Alpha biển số 67C1-426.22 và giấy chứng nhận đăng ký xe môtô 67C1-426.22.

Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 115/KL.HĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng Hình sự, xác định: Xe môtô nhãn hiệu Honda Wave Alpha biển số 67C1 - 426.22, trị giá 11.133.600 đồng. Một bóp da màu nâu không đầy đủ thông tin về tài sản, nên không có cơ sở để xác định giá trị tài sản.

Cáo trạng số: 80/CT-VKS, ngày 08/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, truy tố Lê Hữu T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. L vẫn giữ quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự 2015; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Hữu T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Võ Bá H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc bị cáo Lê Hữu T bồi thường cho bà Lương Thị H 2.000.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Hữu T khai nhận đã lợi dụng sơ hở của ông Võ Bá H để lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha biển số 67C1-426.22 như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt bị cáo thống nhất, không có ý kiến tranh luận. Bị cáo đã ăn năn về hành vi vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại ông Võ Bá H trình bày: Vào khoảng 09 giờ 10 phút ngày 19 tháng 01 năm 2019, sau khi đi công việc về ông có dựng xe 67C1-426.22 trước nhà nhưng không rút chìa khóa, khoảng 10 phút sau thì ông phát hiện chiếc xe bị mất do Lê Hữu T lấy trộm, nên ông đến Công an phường M trình báo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị H trình bày tại Cơ quan Điều tra: Bà có nhận cầm xe Honda màu nâu đỏ (không nhớ biển số xe) do Lê Hữu T đem đến cầm với số tiền 2.000.000đ, khi nhận cầm xe bà không biết xe do T lấy trộm của người khác. Bà yêu cầu Lê Hữu T bồi thường cho bà 2.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thế V trình bày tại Cơ quan Điều tra: Ông và bà Lương Thị H là chị em kết nghĩa, ông không nhớ chính xác thời gian bà H nhờ ông đem cuốn lịch cho người chị ở phường M, thành phố L. Khi ông điều khiển xe đến khu vực công viên M thì bị anh Võ Nguyễn Nhựt H và anh Trương Công T chặn lại và cho biết xe này của ông Võ Bá H là cha ông Nhựt H mất trộm, yêu cầu ông đưa xe đến Công an phường M giải quyết.

Người làm chứng ông Võ Nguyễn Nhựt H và ông Trương Công T trình bày tại Cơ quan Điều tra như nội dung vụ án đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiếu nại cũng không có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị H, ông Trần Thế V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình điều tra đã thu thập lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên sự vắng mặt của bà H, ông V không ảnh hưởng đến việc xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án. Xét thấy, quá trình điều tra bà H và ông V đã cung cấp lời khai phù hợp với nội dung, diễn biến sự việc lấy trộm ngày 19/01/2019 nên việc vắng của những người này tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[3] Các chứng cứ xác định có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra vụ án, phù hợp lời trình bày của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng và còn phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Đã đủ căn cứ xác định vào ngày 19 tháng 01 năm 2019 bị cáo Lê Hữu T lợi dụng sơ hở của ông Võ Bá H để lấy trộm xe môtô nhãn hiệu Honda Wave Alpha biển số 67C1 - 426.22, trị giá 11.133.600 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hữu T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nghẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy, bị cáo là thanh niên đã trưởng thành, có sức khỏe để tìm việc làm chính đáng, tạo ra thu nhập lo cho bản thân và gia đình. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà không phải lao động mệt nhọc, nên bị cáo lợi dụng sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản để lấy trộm. Biết rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong Nhân dân, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội.

[5] Về nhân thân của bị cáo, xét thấy, ngày 16/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện C, xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Trong thời gian chờ quyết định thi hành án phạt tù, ngày 24/7/2016 T tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 11/01/2017 bị Tòa án nhân dân Tp. L xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 02 năm tù, đến ngày 22/5/2018 chấp hành xong bản án. Ngày 19/01/2019 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, tuân thủ pháp luật, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy sau khi phạm tội bị cáo đã

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại ông Võ Bá H đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Ông Võ Bá H đã nhận lại tài sản không yêu cầu về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra bà Lương Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000đ. Xét thấy, yêu cầu của bà Hạnh là có căn cứ phù hợp pháp luật, bị cáo cũng đồng ý bồi thường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo bồi thường cho bà Hạnh 2.000.000đ.

[8] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Tp. L đã trao trả cho ông Võ Bá Hiệp 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Honda Wave Alpha biển số 67C1 - 426.22 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 024752, biển số 67C1 - 426.22, theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16 tháng 5 năm 2019.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và khoản 2, Điều 135; khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào: Điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 106; Điều 136; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 1, Điều 23; khoản 3, Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2, Điều 135; khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Hữu T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lương Thị H 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[3] Về án phí: Bị cáo Lê Hữu T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Chi cục T.H.A TPL;
- Nhà Tạm Giữ CA.TPL;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh An Giang;
- VKS ND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoa